

# Tìm hiểu “Chiếu cầu hiền” của Ngô Thì Nhậm từ góc nhìn văn hóa giáo dục

## BÀI LÀM

### 1. Vài nét về tác giả Ngô Thì Nhậm và tác phẩm “Chiếu cầu hiền”

Ngô Thì Nhậm tự là Hy Doãn, hiệu là Đạt Hiên. Ông sinh năm 1746 mất năm 1803, là danh sĩ đời Hậu Lê - Tây Sơn, xuất thân trong một gia đình có truyền thống văn học ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (hiện nay thuộc địa phận huyện Thanh Trì, Hà Nội). Ngô Thì Nhậm đỗ Giải nguyên năm 1768, đỗ Tiến sĩ năm 1775. Làm quan dưới thời Lê - Trịnh, khi triều đình lộn xộn ông đã bỏ về quê ở ẩn, viết sách. Năm 1786, khi quân Tây Sơn ra Bắc, Ngô Thì Nhậm được vua Lê mời ra làm việc. Sau đó, năm 1788 ông được Nguyễn Huệ trọng dụng, phong làm Thị lang Đại học sĩ (thị lang Bộ Lại), thượng thư Bộ Binh, chuyên lo việc giấy tờ trong quan hệ ngoại giao với nhà Thanh. Ngô Thì Nhậm có hai lần làm chánh sứ sang giao thiệp với nhà Thanh. Ông là một nhà chiến lược, nhà ngoại giao tài giỏi. Dưới danh nghĩa vua Quang Trung, Ngô Thì Nhậm đã thảo những thư từ gửi hoàng đế nhà Thanh, lời lẽ vừa cứng rắn, vừa mềm mỏng, nhằm kết thúc chiến tranh giữa hai nước, ngăn chặn ý đồ gây chiến phục thù của cánh hiếu chiến trong triều Mãn Thanh (sau chiến thắng Đống Đa 1789), chuyển quan hệ ngoại giao hai nước từ đối đầu sang hoà hảo, góp phần làm cho triều Quang Trung giữ được nền độc lập, tự chủ, bảo đảm an ninh đối ngoại. Ngô Thì Nhậm có nhiều tác phẩm về sử, văn thơ, triết học, ngoại giao tiêu biểu là “Xuân Thu quân kiến”, “Hải Dương chí lược”, “Hy Doãn

thi văn tập”, “Hoàng Lê nhất thống chí”, “Kim mã hành du”, “Yên đài thu vịnh”, “Cúc hoa thi trận” “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh”, “Hàn các anh hoa”, “Bang giao hảo thoại”. Đóng góp văn học của ông đa dạng về thể loại (chính luận, chiếu, biểu, ngoại giao, thơ, phú). Nội dung thi ca hướng tới quan niệm “thi ngôn chí”, đề cao cái thực trong

cảm xúc. Đồng thời ông cũng có nhiều trang luận thuyết triết học, xã hội, tôn giáo sâu sắc, giàu suy tưởng. \*

## 2. “Chiếu cầu hiền” xét từ góc độ giáo dục

Chiếu thuộc loại văn nghị luận chính trị - xã hội, là văn bản trao đổi giữa nhà vua và thần dân, được quy phạm hóa, dùng trong các triều đình phong kiến thời trước.

Chiếu còn là một loại đề bài mà các sĩ tử xưa phải làm trong các kỳ đệ nhị hoặc đệ tam của các khoa thi hương và thi hội. Lối văn chương dùng trong chiếu là thể tứ lục biên ngẫu, mỗi câu ngắt thành hai đoạn 4 - 6 hoặc 6 - 4, từng cặp câu có vế đối. Chiếu là lời hoặc thay lời nhà vua ban bố mệnh lệnh cho toàn dân. Chiếu có thể được viết bằng văn biên ngẫu hoặc văn xuôi.

Xét ở góc độ giáo dục, tìm hiểu Chiếu cầu hiền không chỉ là đi tìm hiểu một văn bản thuộc thể văn thư nhà vua dùng để ban bố mệnh lệnh cho thần dân mà là bắt tay vào tìm hiểu một loại văn bản trong hệ thống quản lý hành chính thời phong kiến bởi trong giai đoạn lịch sử thời phong kiến công văn hành chính gồm có hai loại lớn: một loại công văn do cấp dưới đệ trình lên nhà vua hoặc triều đình (tấu, chương, biểu, sớ, khai...); một loại do nhà vua truyền xuống cho bề tôi (chiếu, mệnh, lệnh, chế, biểu, dụ, cáo...) Đồng thời, qua “Chiếu cầu hiền” thế hệ trẻ hôm nay còn thấy và học tập được nhiều từ chủ trương cầu hiền đúng đắn đến tầm chiến lược sâu rộng, tấm lòng vì dân vì nước của vua Quang

Trung.

Toàn văn bài “Chiếu cầu hiền” là công văn nhà nước lệnh cho thần dân thực hiện nhưng rất khác với các bài chiếu thông thường, đối tượng thực sự trong “Chiếu cầu hiền” là các trí thức, các bậc hiền tài lương đồng của dân tộc. Vì thế, ngay nhan đề bài đã toát ra cách nói khiêm tốn, thể hiện tình cảm thiết tha, thái độ chân thành cầu hiền đãi sĩ, một lòng vì dân vì nước của vua Quang Trung. Có thể nói, “Chiếu cầu hiền” là một chiếu đặc biệt, thể hiện mong mỏi, ước nguyện ... chứ không phải là lệnh. Bài “Chiếu cầu hiền” của Ngô Thì Nhậm không chỉ cho thấy tác giả uyên bác, cao tay trong sáng tạo văn bản nghị luận chính trị - xã hội, trong việc phát ngôn đại diện cho vua Quang Trung chiêu hiền đãi sĩ mà còn khắc đậm lòng khao khát cầu hiền đãi sĩ của vị vua trẻ - “áo vải cờ đào” đại phá quân Thanh.

Trong hệ thống giáo dục Việt Nam hiện nay, tác phẩm “Chiếu cầu hiền” đã được đưa vào giảng dạy chính thức trong trường Trung học phổ thông, chương trình cơ bản, lớp 11. Đây thực sự là một điều rất đáng mừng bởi chúng ta, lớp hậu thế sinh sau đã không quên lịch sử. Chỉ tiếc rằng tác phẩm này chưa được góp mặt trong Từ điển Bách khoa Việt Nam.

207 năm đã trôi đi kể từ khi Ngô Thì Nhậm qua đời. Hôm nay, công lao, sự nghiệp của nhà nghiên cứu, nhà văn hoá, nhà ngoại giao Ngô Thì Nhậm không những được lịch sử ghi nhận mà còn in đậm trong trái tim, khối óc mỗi người dân Việt Nam. Đặc biệt in đậm

trong tâm trí lớp lớp thanh thiếu niên - chủ nhân của đất nước Việt Nam trong tương lai gần - ngay từ thời tuổi trẻ qua những bài học văn học trong trường phổ thông. Khẳng định sự nghiệp vĩ đại của Ngô Thì Nhậm, cố Tổng Bí thư Đảng Trường Chinh đã từng xếp ông vào hàng ngũ những thiên tài mãi mãi là những ngôi sao sáng trên bầu trời Việt Nam, làm vẻ vang cho giống nòi Việt Nam \*\*

“Chiếu cầu hiền” là một tác phẩm chính luận kết cấu ba phần chặt chẽ, lập luận chắc chắn, lí lẽ sắc bén. Phần một - đoạn đầu là cơ sở lý luận của “Chiếu cầu hiền”. Phần này, Ngô Thì Nhậm đã lập luận bằng cách mượn lời Khổng Tử trong sách Luận ngữ: Lấy đức mà cai trị đất nước, giống như sao Bắc Đẩu giữ đúng vị trí của mình, các ngôi sao khác sẽ về châu. Ngô Thì Nhậm đã viện ý trời làm nền tảng cho việc cầu hiền của vua Quang Trung. Cách này vừa giúp tác giả tôn vinh được bậc thánh hiền của đạo Nho - giống như sao sáng - vừa khẳng định với hiền tài, nho sĩ trong thiên hạ rằng triều đại mới là triều đại lấy đức cai trị đất nước. Bằng cách mượn ý trời xem việc người hiền tài về châu thiên tử là điều tất yếu, hợp quy luật, hợp lòng người. Nếu người hiền tài tự giấu mình đi là trái với ý trời. Điều này giống như che mắt ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp trí tuệ, huệ nhãn, có tài mà không được đời dùng thì đó cũng không phải là ý trời sinh ra người hiền tài vậy. Làm vậy là trái với đạo thánh hiền, trái với luân thường đạo lý của kẻ sĩ. Ngô Thì Nhậm thật cao tay “bắt quyết”, ông mượn lời thánh hiền và ý trời để tạo ra cơ sở lý luận vững chắc cho việc cầu hiền tài của triều đình. Lập luận của tác giả vừa tôn vinh người hiền tài trong khắp cõi, vừa gọi vua Quang Trung là thiên tử, so sánh vua Quang Trung với ngôi Bắc Đẩu đã tạo ra sự tin cậy đặc biệt cho những hiền tài chưa hiểu rõ thời cuộc, còn đang

lượng lự, phân vân trước thời cuộc.

Phần hai cho người đọc hậu thế thấy rõ thực trạng của kẻ sĩ Bắc Hà và tấm lòng khao khát cầu hiền của vua Quang Trung. Phần này - gồm 4 đoạn ý tiếp theo - trong đó đoạn 2 như là một điểm tựa để bẫy đoạn 3, đoạn ý tiếp theo nhằm thực hiện mục đích thuyết phục, kêu gọi hiền tài ra giúp nước. Điểm tựa bắt nguồn từ những sự việc của quá khứ gần: “Trước đây thời thế suy vi”... Ngô Thì Nhậm đã đưa người đọc ngược dòng lịch sử, trở về với mạt thời Lê - Trịnh bệ rạc, thối nát. Người hiền tài như ngôi sao bị che khuất, không được trọng dụng, tôn kính. Chính vì thế cách hành xử tích cực nhất của họ lúc này là giữ gìn lấy khí tiết trong sạch của một nhà nho chân chính bằng cách trốn tránh, ẩn dật hoặc là dè dặt, giữ mình trong chốn quan trường. Thời thế lúc này không cho phép họ tự thể hiện mình chứ không phải họ tự vùi lấp mình. Vào giai đoạn lịch sử nhiều biến cố, tất yếu các kẻ sĩ trong thiên hạ phải tìm chỗ ẩn mình. Cách ứng xử của các trí thức Bắc Hà không nằm ngoài quy luật đó. Họ hoặc là bỏ đi ở ẩn hoặc là chỉ giữ mình im lặng, cầm chừng.... Trong “Chiếu cầu hiền”, Ngô Thì Nhậm đã dùng nhiều hình ảnh gợi cảm để chỉ tình trạng thất thế loạn lạc của kẻ sĩ như: “ẩn trong ngòi khe”, “kiêng dè không dám lên tiếng”, “gõ mõ canh cửa”, “ra biển vào sông”, “chết đuối trên cạn”... hoặc dùng biện pháp khích tướng để nhấn mạnh lối sống uổng phí tài năng, không xứng danh là người hiền tài của các hiền sĩ. Cách nói của tác giả gần gũi, thân tình, tế nhị và hóm hỉnh. Ngô Thì Nhậm đã giúp chúng ta không chỉ biết đồng cảm với cách ứng xử của các hiền tài tiền bối mà còn chỉ cho chúng ta cách nhìn nhận, đánh giá con người. Tương như mâu thuẫn bởi mở đầu bài chiếu, đoạn 1 Ngô Thì Nhậm đã tôn vinh và khẳng định sứ mệnh của người

hiền tài mà sang đoạn tiếp theo tác giả dường như lại ủng hộ cách ứng xử lánh đời của họ trong mặt thời Lê Trịnh; nhưng không phải vậy: Ngô Thì Nhậm đã nhìn thấu các hiền sĩ lương đồng trong mối quan hệ với hoàn cảnh lịch sử xã hội của họ. Cách lập luận của Ngô Thì Nhậm cho thấy: chỉ những nhân tài kiệt xuất như Quang Trung Nguyễn Huệ... mới có khả năng tạo ra thời thế, còn phần lớn con người đều ít nhiều bị chi phối bởi hoàn cảnh lớn của xã hội. Cách ứng xử của các bậc hiền tài trước đây như vậy cũng có nghĩa là họ đã làm chủ được hoàn cảnh trực tiếp của bản thân mình. Từ đây, bài học mà các thế hệ hậu thế sẽ học được chính là cách đánh giá con người, phải nhìn nhận con người trong mối quan hệ qua lại với hoàn cảnh sống để có thái độ đúng mực.

Trong đoạn văn tiếp theo, Ngô Thì Nhậm thay lời nhà vua để bộc lộ những tâm tư sâu kín, đó là nỗi niềm canh cánh chờ mong sự xuất hiện của hiền tài: “ghé chiếu lắng nghe”, “ngày đêm mong mỏi”... rồi hai câu hỏi tu từ liên tiếp: “Hay trăm ít đức không đáng để phò tá chăng? Hay đang thời đồ nát chưa thể ra phụng sự vương hầu chăng?”- cho thấy sự day dứt, trăn trở khôn nguôi trong lòng vua Quang Trung lúc bấy giờ. Giọng văn bình dị như một lời tâm tình làm gần hơn khoảng cách giữa vua với các hiền tài - “nguyên khí quốc gia”. Chúng ta thấy thái độ khẩn khoản của vua Quang Trung, thấy đức vua là người rất coi trọng hiền tài. Như vậy người hiền tài sẽ không lo sợ bị che lấp tài năng hoặc tài năng bị quên lãng, bỏ rơi như thời buổi suy vi. Lập luận thật chặt chẽ và đầy sức thuyết phục. Ngô Thì Nhậm còn tăng mức độ thuyết phục lên mức cao hơn trong đoạn văn tiếp theo. Thời cơ của người hiền tài thực sự đã đến. Đất nước vừa ổn định, non sông đã có chủ, thay lời vua, tác giả khẳng định công việc vừa mới mở ra, kỷ cương nơi triều

chính, công việc ngoài biên cương còn nhiều việc phải lo toan, khắc phục; dân còn bơ vơ, mệt nhọc, sự giáo hoá của vua chưa thấm nhuần khắp chốn; trọng trách giang sơn không chỉ mình nhà vua đảm đương, gánh vác, “Một cái cột không thể đỡ nổi một căn nhà lớn, mưu lược một người không thể dựng nghiệp trị bình”... Khó khăn của đất nước có sức tác động vào trách nhiệm của hiền sĩ với non sông gấm vóc. Những người hiền tài có tâm đức không thể bàng quan trước tình cảnh nước nhà. Tất cả đều là những mảnh đất trồng cho người hiền thể hiện tài năng của mình. Cơ hội đã đến. Ngô Thì Nhậm không hô hào, kêu gọi mà thay vua đặt ra một câu hỏi day dứt lòng người: “Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn như thế này, há trong đó lại không có lấy một người tài danh nào ra phò vua giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trăm hay sao?” Như vậy, bằng văn tài của mình, một mặt tác giả chỉ cho người hiền thấy được thời cơ, vận hội mới, qua đó đề cao vai trò của họ trong việc trị nước; mặt khác lại đánh vào tâm lý, khơi gợi lòng tự trọng của họ. Lời văn nhẹ nhàng, giọng điệu linh hoạt, khi mạnh mẽ, gọi ra cái chưa ổn trong cuộc sống ẩn dật, khi lắng lại, thành tâm, khiêm nhường, khi khích lệ, cổ vũ người hiền tài ra giúp chính quyền buổi đầu song lí lẽ, lập luận lại đặc biệt sắc sảo, có sức thuyết phục cao, vừa lay động chí, vừa chuyển tâm ý của hiền tài trong thiên hạ, khích lệ họ đừng chân chừ, ngần ngại, hãy nhanh nhanh mang sức ra giúp dân, trị nước

Tiếp theo là bước chuyển ý quan trọng, tăng cấp tối đa sức thuyết phục bằng một chính sách cầu hiền đặc biệt: Ai có tài cho phép tự trình bày công việc; cho phép các quan tự tiến cử; người hiền tự tiến cử mình. Chính sách cụ thể, rõ ràng, công bằng, dân chủ - mở rộng cửa cho người hiền tài giúp vua, giúp nước. Có thể nói rằng trong phần hai này,



nghệ thuật thuyết phục của Ngô Thì Nhậm không chỉ độc đáo mà còn rất đổi tài năng. Lời lẽ thiết tha, lí lẽ sắc sảo, lập luận chặt chẽ. Hòa quyện trong mỗi lời văn là tình và lí: một bên là sự cần thiết của nước nhà, một bên là tấm lòng ưu ái canh cánh của nhà vua dành cho các bậc hiền tài. Bài học mà chúng ta có được ở đây có lẽ là bài học về cách ứng xử ở đời: lấy chí để thuyết phục chí, lấy tâm để thuyết phục tâm, lấy sự công bằng, dân chủ để thuyết phục nhân. Đó là nghệ thuật cầu hiền của Ngô Thì Nhậm và vua Quang Trung, nhưng đồng thời cũng là nghệ thuật ứng xử của con người với con người trong mọi thời đại.

Phần ba là phân nêu hướng sử dụng người hiền tài và lời kêu gọi người tài trong thiên hạ ra giúp dân, giúp nước. Ngô Thì Nhậm đã đánh tan những băn khoăn của nhiều hiền tài trong thiên hạ bằng cách giúp vua Quang Trung mở ra hướng sử dụng người hiền tài một cách rõ ràng, rộng mở và độ lượng với nhiều biện pháp cụ thể. Đối với người có tài năng học thuật, mưu hay hơn đời, lời nói nào dùng được thì cất nhắc, không kể thứ bậc. Đối với người có nghề hay nghiệp giỏi, cho phép quan văn, quan võ tiên cử, tùy tài sử dụng. Đối với những người tài năng còn bị che kín thì được dâng sớ tự tiến cử... Người hiền theo quan niệm của Quang Trung thật đa diện. Quang Trung và triều đại mới không chỉ hướng tới những người giỏi chữ nghĩa mà còn hướng tới những người có tay nghề cao. Ngoài ra còn khuyến khích người tài tự tiến cử. Quan điểm về người hiền tài của nhà vua thật tiên bộ, hiện đại, hợp lòng dân, tạo con đường rộng mở cho người tài ra phò vua trị nước. Những lời kêu gọi cuối tác phẩm như một lời hiệu triệu mạnh mẽ, khơi dậy, làm nức lòng kẻ hiền tài bốn bề. Cái lí của triều đình đưa ra là không còn gì thuận lợi hơn,

trời trong sáng, đất thanh bình cho người tài đức xuất hiện. Thời cơ đã đến cho những ai muốn làm nên nghiệp lớn gặp hội gió mây.

Phần kết của văn bản, Ngô Thì Nhậm nhấn mạnh lại thời cơ, vận hội của người hiền. Lời kết có giá trị như một lời nhắc nhở với những hiền tài rằng cơ hội lập danh, lập thân của họ thực sự đã đến, họ cần phải chứng tỏ chí khí quân tử của mình trước lịch sử. Lời kết cuối bài chiếu sôi nổi, nhiệt thành khuyến khích được tinh thần của người hiền tài trong thiên hạ một cách sâu sắc.

“Chiếu cầu hiền” không chỉ cho chúng ta thấy tư tưởng tiên bộ của vua Quang Trung trong việc sử dụng người hiền tài mà còn cho thấy cái tài trong nghệ thuật viết chiếu của Ngô Thì Nhậm. Lời lẽ trong văn bài vừa có cái trang trọng, cao sang, trí tuệ của kẻ bề trên, lại vừa có cái thành tâm, khiêm nhường của người có đức đang chiêu hiền đãi sĩ. Có thể kết luận bài chiếu là một văn bản chính luận đặc sắc trong nền văn học trung đại Việt Nam.

### **3. “Chiếu cầu hiền” xét từ góc độ văn hoá**

“Văn hoá là toàn bộ những hoạt động sáng tạo và những giá trị của nhân dân một nước, một dân tộc về mặt sản xuất vật chất và tinh thần trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước”  
Khái niệm văn hoá này được hiểu theo nghĩa nhân văn rất rộng. Nguyên tổng giám đốc UNESCO, ông Mayo (F. Mayor), đưa ra một khái niệm về văn hoá vừa mang

tính khái quát vừa có tính đặc thù: "Văn hoá bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại nhất cho đến tín ngưỡng, phong tục tập quán, lối sống và lao động". Khái niệm này được cộng đồng quốc tế chấp nhận tại Hội nghị liên chính phủ về các chính sách văn hoá tại Vonido (Venise), 1970. Văn hoá biểu hiện trong lí tưởng sống, trong các quan niệm về thế giới và nhân sinh, tín ngưỡng, trong lao động và đấu tranh, trong tổ chức đời sống, tạo dựng xã hội, thể hiện lí tưởng thẩm mỹ" \*\*\*. Hiểu khái niệm về văn hoá như vậy, chúng ta cùng bước đầu tìm hiểu "Chiếu cầu hiền" của Ngô Thì Nhậm từ góc độ văn hoá.

Trên con đường khám phá cái hay, cái đẹp của một tác phẩm văn chương, nếu đi đến tận cùng ta sẽ gặp được cuộc sống của chính ta trong đó. Và tất nhiên con đường tối ưu để đến được với những giá trị tận cùng đó là tiếp cận tác phẩm văn chương từ đặc trưng thể loại. Với "Chiếu cầu hiền" chúng ta đã bắt đầu từ những đặc sắc nghệ thuật của một văn bản chính luận để đến những giá trị văn hoá đặc sắc của cha ông, của dân tộc, của nhân loại. Thành công nhất về mặt nghệ thuật của tác phẩm này có lẽ là ở nghệ thuật lập luận với những lí lẽ rất chặt chẽ, sắc sảo và lập trường chính trị vững vàng của Ngô Thì Nhậm. Ngô Thì Nhậm vốn là một sĩ phu Bắc Hà, nay lại thay mặt vua Quang Trung kêu gọi sự nhập cuộc của các sĩ phu Bắc Hà - những trí thức của triều đại Lê - Trịnh đã bị thất thế trước triều đại Tây Sơn mới nổi. Trong từng câu, từng đoạn, từng phần của "Chiếu cầu hiền" đều toát ra giá trị thuyết phục lòng người hiền sĩ. Vì thế, tác phẩm đã vượt ra khỏi giới hạn của một thời đại lịch sử cụ thể.

Trong “Chiếu cầu hiền”, chỉ bằng thao tác so sánh hai lập luận để khẳng định một điều: sao muốn đẹp phải tỏa sáng, người hiền tài muốn được công nhận phải cống hiến tài năng cho nước, cho đời. Bằng cách này, Ngô Thì Nhậm muốn nhắn gửi đến người hiền tài sứ mệnh của chính họ. Nhận thức đúng sứ mệnh này rồi, thì tự họ ắt biết sẽ phải làm gì. Điều này không chỉ đúng với lịch sử đã qua mà còn là kim chỉ nam cho sứ mệnh của người hiền tài của ngày hôm nay: Không chỉ người học rộng tài cao mới có sứ mệnh của người hiền tài mà tất cả mọi người có năng lực, có khả năng trên lĩnh vực nào đó đều cần phải biết rõ mình nên làm gì. Và mỗi người hãy tự rút ra cho mình một bài học về cách sống ở đời. Hãy sống tự tin, bản lĩnh và cống hiến hết mọi khả năng của mình cho cuộc đời rộng lớn. Đó là ý nghĩa cuộc sống của con người hiện đại trong thế giới phẳng - giao lưu và hội nhập hôm nay .

Trở lại hoàn cảnh và mục đích ra đời của văn bản “Chiếu cầu hiền”, chúng ta thấy nếu Ngô Thì Nhậm viết không khéo, nói không thông thì hoặc sẽ phản tác dụng, hoặc bản thân sẽ bị chê cười. Các trí thức Bắc Hà cũng như những trí thức của các triều đại phong kiến khác đều trưởng thành từ cửa Khổng sân Trình, nghĩa là đều nhập tâm lời dạy của Nho gia “trung thần không thờ hai chủ”. Bản thân Ngô Thì Nhậm đã không tuân thủ tuyệt đối lời dạy đó, nay lại ra lời kêu gọi họ ra đầu quân cho nhà Tây Sơn – nếu không thuyết phục được họ thì lại dễ bị coi là bất trung. Mặt khác, Ngô Thì Nhậm vốn xuất thân chỉ là một sĩ phu như nhiều sĩ phu khác, nay lại đi nói lí lẽ với những người thuộc tầng lớp trí thức có vị thế trong xã hội, liệu có khiến họ tự ái hoặc xem nhẹ chăng? Nhưng “Chiếu cầu hiền” của Ngô Thì Nhậm đã rất thành công. Nguyên nhân là do đức trị, do tâm thành

của vua Quang Trung hay tài năng và tâm thành của Ngô Thì Nhậm? Tất cả những yếu tố đó đều đúng song còn phải cộng thêm một điều rất quan trọng nữa, đó là nghệ thuật ứng xử tài tình, khéo léo, tinh tế của Ngô Thì Nhậm. Vua Quang Trung đã không nhầm khi đánh giá cao năng lực và giao cho Ngô Thì Nhậm trọng trách chấp bút thay mình để cầu hiền trong thiên hạ. Và chúng ta hôm nay không chỉ là ghi nhận mà còn phải biết cách thu nhận từ bậc hiền tài tiền bối này những bài học quý báu cho riêng mình.

Những bài học về văn hoá - giáo dục rút ra từ văn bản nghị luận chính trị - xã hội này thực sự là những điều rất tâm đắc của tác giả khi tìm hiểu về Ngô Thì Nhậm và tác phẩm “Chiếu cầu hiền”. Trong bài viết với dung lượng và thời gian hạn hẹp, xin được chia sẻ cùng độc giả đôi điều sơ lược về “Chiếu cầu hiền” của Ngô Thì Nhậm trước thêm lịch sử 1000 năm Thăng Long. Tác giả hy vọng “Chiếu cầu hiền” không chỉ được giảng dạy trong hệ thống giáo dục Việt Nam, là kim chỉ nam trong nghệ thuật thuyết phục cũng như sử dụng người tài đức của các nhà lãnh đạo hôm nay và tương lai. “Chiếu cầu hiền” xứng đáng được các nhà văn hoá Việt Nam và thế giới, các nhà biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam tôn vinh, dành vị trí xứng đáng cùng các bài chiếu tiêu biểu khác như: Chiếu cần vương, Chiếu dời đô, Chiếu khuyến nông, Chiếu cầu lời nói thẳng.

Lịch sử đã bước sang những trang sử mới, “Chiếu cầu hiền” mà Ngô Thì Nhậm chấp bút viết thay vua Quang Trung sẽ vẫn là cảm nang về bài học xử thế, bài học về nghệ thuật thu phục hiền tài trong thiên hạ để họ tận tâm, tận lực trong công cuộc giữ gìn, bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam lớn mạnh hơn trên nhiều phương diện. Ngoài ý nghĩa chính

trị của một thời, “Chiếu cầu hiền” còn mang giá trị văn hóa của mọi thời đại. “Chiếu cầu hiền” sẽ mãi mãi trường tồn cùng thời gian.